|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT  **TRƯỜNG ĐH NÔNG – LÂM BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bắc Giang, ngày tháng năm 2020* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUY HOẠCH CẢNH QUAN**

1. **Thông tin chung về học phần**

- Mã học phần: QLD2029

- Số tín chỉ: 02

* + Loại học phần: Tự chọn

- Các học phần tiên quyết: Quy hoạch sử dụng đất

- Các học phần song hành: Không

* + Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai
  + Số tiết quy định đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết + Hoạt động theo nhóm: 30 giờ

\* Thảo luận: 15 tiết + Tự học: 60 giờ

\* Làm bài tập: 0 tiết + Tự học có hướng dẫn: 0 giờ

+ Thực hành, thí nghiệm: 0 giờ \*Bài tập lớn (tiểu luận): 0 giờ

1. **Thông tin chung về các giảng viên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | ThS. Trần Thị Hiền | 0916.087.866 | Hientt87@bafu.edu.vn |  |
| 2 | TS. Khương Mạnh Hà | 0914.257.747 | hakm@bafu.edu.vn |  |
| 3 | ThS. Phạm Quốc Thăng | 0936.844.596 | [thangpq@bafu.edu.vn](mailto:thangpq@bafu.edu.vn) |  |

1. **Mục tiêu của học phần**

- Yêu cầu về kiến thức: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch cảnh quan, hiểu được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến quy hoạch, giúp cho sinh viên nắm được nguyên lý và phương pháp lập quy hoạch cảnh quan vùng đô thị, nông thôn và các khu trung tâm đô thị.

- Yêu cầu về kỹ năng: Sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá hiện trạng cảnh quan và tổ chức thiết kế không gian cảnh quan đô thị và cảnh quan nông thôn.

- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp:

Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng hiểu biết của bản thân về công tác quy hoạch cảnh quan đô thị và quy hoạch cảnh quan nông thôn.

*Ghi chú: Mục tiêu của học phần được thể hiện tại Phụ lục 2.*

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (LO – Learning Outcomes)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã CĐR** | **Mô tả CĐR học phần**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| ***1*** | ***Chuẩn về kiến thức*** | |
| LO.1.1 | Hiểu được các kiến thức về cảnh quan, quy hoạch cảnh quan, trình tự và nội dung của quy hoạch cảnh quan |
| LO.1.2 | Hiểu được các kiến thức về các cơ sở bố cục của cảnh quan, quy luật tổ chức không gian cảnh quan, nội dung của quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn |
| LO.1.3 | Hiểu được các kiến thức về nguyên tắc, nội dung của quy hoạch cảnh quan các khu trung tâm của đô thị |
| ***2*** | ***Chuẩn về kỹ năng*** | |
| LO.2.1 | Có khả năng nhận biết và đánh giá hiện trạng cảnh quan và tổ chức thiết kế không gian cảnh quan đô thị và cảnh quan nông thôn |
| LO.2.2 | Tận tụy với công việc, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong việc xây dựng các phương án quy hoạch cảnh quan |
| ***3*** | ***Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp*** | |
| LO.3.1 | Có khả năng tự ra quyết định và chịu trách nhiệm trong các việc xây dựng phương án quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn. |
| LO.3.2 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về công tác quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn. |

*Ghi chú: Mã hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá mức độ tương thích của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT được thể hiện tại Phụ lục 1.*

**5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Quy hoạch cảnh quan là học phần 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cảnh quan, cơ sở bố cục của cảnh quan, các quy luật chủ yếu thường được sử dụng trong bố trí không gian cảnh quan, nội dung của quy hoạch cảnh quan vùng đô thị và nông thôn, quy hoạch cảnh quan khu trung tâm.

**6. Mức độ đóng góp của các bài giảng để đạt được chuẩn đầu ra của học phần**

Mức độ đóng góp của mỗi bài giảng được mã hóa theo 3 mức, trong đó:

+ Mức 1: Thấp (Nhớ: Bao gồm việc người học có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quá trình, các dạng thức, cấu trúc… đã được học. Ở cấp độ này người học cần nhớ lại đúng điều được hỏi đến.)

+ Mức 2: Trung bình (Hiểu: Ở cấp độ nhận thức này, người học cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ.)

+ Mức 3: Cao (Vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo: Người học có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chỉ ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc của chúng.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài giảng** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | | | | | | |
| LO.1.1 | LO.1.2 | LO.1.3 | LO.2.1 | LO.2.2 | LO.3.1 | LO.3.2 |
| Chương 1 | 2 |  |  | 1 | 2 | 2 | 2 |
| Chương 2 | 1 | 2 |  | 2 | 2 | 3 | 3 |
| Chương 3 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 |

**7. Danh mục tài liệu**

***- Tài liệu bắt buộc***

[1] Bộ Xây dựng (2010), *Giáo trình quản lý quy hoạch kiến trúc cảnh quan và môi trường,* NXB Xây dựng.

[2] Hàn Tất Ngạn (2014), *Kiến trúc cảnh quan*, NXB Xây dựng.

***- Tài liệu tham khảo***

[3] Đỗ Quang Huy (2006), *Bài giảng Quy hoạch cảnh quan sinh thái,*  Trường Đại học Lâm nghiệp.

[4] Nguyễn Quang Học (2006), *Bài giảng Quy hoạch cảnh quan,* NXB Nông nghiệp.

[5] Phạm Kim Giao (2013), *Quy hoạch vùng,* NXB Xây dựng.

[6] Phạm Quý Nhân (2018), Định hướng quy hoạch không gian biển Phú Quốc – Côn Đảo phục vụ phát triển bền vững, Khoa học kỹ thuật.

**8. Nhiệm vụ của người học**

**8.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận**

- Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận.

- Hoàn thành các bài thảo luận.

*(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)*

**8.2. Phần thực hành**

- Tham gia đầy đủ 01 bài thảo luận của học phần.

- Kết thúc bài thực hành phải nộp sản phẩm đầy đủ.

*(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)*

**9. Phương pháp giảng dạy**

- Phần lý thuyết: Sử dụng phương pháp giảng thuyết trình; phát vấn; làm việc nhóm.

- Phần thực hành: Sử dụng phương pháp giảng thuyết trình; phát vấn; làm việc nhóm; thu thập số liệu; phân tích xử lý số liệu; trình bày báo cáo khoa học.

*(Phương pháp giảng dạy thể hiện tại Phụ lục 3)*

**10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập**

*10.1. Các phương pháp kiểm tra đánh giá giúp đạt được và thể hiện, đánh giá được các kết quả học tập của học phần:*

+ Phương pháp kiểm tra: Viết, Trình bày báo cáo khoa học

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận, Trình bày báo cáo khoa học

*(Phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện tại Phụ lục 4)*

*10.2. Làm rõ thang điểm, tiêu chí đánh giá và mô tả mức đạt được điểm số*

+ Trọng số đánh giá kết quả học tập

**Bảng 1: Trọng số đánh giá kết quả học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần** | **Điểm kiểm tra quá trình** | | | **Điểm thi** |
| Chuyên cần | Bài kiểm tra thường xuyên  (2 bài) | Bài thi giữa học phần | Bài thi kết thúc học phần |
| **Trọng số** | 10% | 20% | 20% | 50% |

+ Tiêu chí, hình thức đánh giá kết quả học tập

**Bảng 2: Kế hoạch đánh giá kết quả học tập**

***Bảng 2.1. Đánh giá chuyên cần***

| **Hình thức** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** |
| --- | --- | --- |
| Điểm danh và  thái độ học tập | Thái độ tham dự (2%)  Trong đó:  - Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)  - Khá chú ý, có tham gia (1,5%)  - Có chú ý, ít tham gia (1%)  - Không chú ý, không tham gia (0%) | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  - Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần thì không đánh giá. | 8 |

***Bảng 2.2. Đánh giá bài kiểm tra số 1, bài kiểm tra số 2 và bài thi giữa học phần***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Hình thức** | **Giỏi – Xuất sắc**  **(8,5-10)** | **Khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | **Kém**  **<4,0** |
| **Bài kiểm tra số 1** | | | | | | |
| Nội dung chương 3 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương  3. Vận dụng 100% kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 3. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 3. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 3. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 3.  Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi |
| **Bài thi giữa học phần** | | | | | | |
| Nội dung chương 1,2 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương 1,2 Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1,2 Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1,2 Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1,2 Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 1,2  Chưa có khả năng vận dụng kiến môn để trả lời câu hỏi |
| **Bài kiểm tra số 2** | | | | | | |
| Nội dung chương 1,2,3 | Báo cáo khoa học | Hiểu >85% kiến thức của chương 1,2,3 Vận dụng được kiến thức vào bài thực hành | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng vận dụng 80% kiến thức vào bài thực hành | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng vận dụng 50% kiến thức vào bài thực hành | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng vận dụng 30% kiến thức vào bài thực hành | Hiểu <40%  kiến thức của chương 1,2,3  Chưa có khả năng vận dụng kiến thức vào bài thực hành |

***Bảng 2.3. Đánh giá bài thi kết thúc học phần***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Hình thức** | **Giỏi – Xuất sắc**  **(8,5-10)** | **Khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | **Kém**  **<4,0** |
| Nội dung chương 1,2,3 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương 1,2,3 Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 1,2,3  Chưa có khả năng vận dụng kiến môn để trả lời câu hỏi |

**11. Nội dung chi tiết học phần**

**11.1. Nội dung về lý thuyết và thảo luận**

**Chương 1: Đại cương về quy hoạch cảnh quan**

(Tổng số tiết: 6 tiết. Số tiết lý thuyết: 6 tiết)

1.1. Khái niệm chung về quy hoạch cảnh quan

1.1.1. Khái niệm cảnh quan

1.1.2. Khái niệm quy hoạch cảnh quan

1.2. Quy hoạch cảnh quan trên thế giới và Việt Nam

1.2.1. Quy hoạch cảnh quan trên thế giới

1.2.2. Quy hoạch cảnh quan ở Việt Nam

1.3. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và trình tự, nội dung của quy hoạch cảnh quan

**Chương 2: Quy hoạch cảnh quan**

(Tổng số tiết: 8 tiết. Số tiết lý thuyết: 8 tiết)

2.1. Các nguyên tắc bố cục cảnh quan

2.1.1. Cơ sở của bố cục cảnh quan

2.1.2. Các quy luật bố cục chủ yếu trong quy hoạch cảnh quan

2.2. Nguyên tắc thiết kế, các yếu tố ảnh hưởng và các yếu tố tạo cảnh trong quy hoạch cảnh quan

2.2.1. Nguyên tắc thiết kế quy hoạch cảnh quan

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quy hoạch cảnh quan

2.2.3. Các yếu tố tạo cảnh trong quy hoạch cảnh quan

2.3. Quy hoạch cảnh quan

2.3.1. Nguyên tắc phân vùng cảnh quan

2.3.2. Phân loại cảnh quan vùng

2.3.3. Quy hoạch cảnh quan vùng nông thôn

2.3.4. Quy hoạch cảnh quan đô thị

Bài thi giữa học phần: 1 tiết

**Chương 3: Quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm**

(Tổng số tiết: 7 tiết. Số tiết lý thuyết: 7 tiết)

3.1. Quy hoạch khu đất cây xanh đô thị

3.1.1. Chức năng của cây xanh đô thị

3.1.2. Những cơ sở khoa học và thực tiễn để quy hoạch khu đất cây xanh đô thị

3.1.3. Một số đặc điểm của quy hoạch đất cây xanh đô thị

3.1.4. Nguyên tắc quy hoạch đất cây xanh đô thị

3.2. Thiết kế cảnh quan vườn – công viên

3.2.1. Thiết kế cảnh quan công viên

3.2.2. Thiết kế cảnh quan sân, vườn

3.3. Thiết kế cảnh quan không gian quảng trường

3.4. Quy hoạch cảnh quan cây xanh đường phố

Kiểm tra bài số 1: 1 tiết

**11.2. Nội dung về thực hành (Tổng số tiết: 15 tiết)**

**Bài thực hành: Đánh giá hiện trạng tổng hợp cảnh quan vùng đô thị, nông thôn hoặc công viên**

**(Tổng số tiết: 15 tiết. Số tiết thảo luận: 15 tiết)**

***1.Mục tiêu:***

Vận dụng kiến thức lý thuyết về cảnh quan và quy hoạch cảnh quan vào đánh giá hiện trạng tổng hợp một cảnh quan vùng đô thị, nông thôn hay một công viên làm cơ sở nền tảng cho công tác xây dựng phương án quy hoạch cảnh quan.

***2. Nội dung:***

Sinh viên tìm hiểu về không gian cảnh quan một đô thị, vùng nông thôn hoặc một công viên sau đó, hoàn thiện báo cáo thuyết minh về đánh giá hiện trạng tổng hợp không gian cảnh quan của khu vực nghiên cứu với các nội dung cụ thể như sau:

+ Mục đích và yêu cầu của công tác đánh giá hiện trạng tổng hợp không gian cảnh quan khu vực nghiên cứu

+ Phương pháp thực hiện

+ Trình tự và nội dung đánh giá hiện trạng tổng hợp cảnh quan vùng đô thị, nông thôn hoặc công viên

***3. Phương pháp thực hiện***

- Giảng viên: Thuyết trình về yêu cầu đối với bài thực hành và nội dung bài thực hành: đánh giá hiện trạng tổng hợp cảnh quan của một đô thị, nông thôn hoặc công viên.

- Sinh viên:

+ Lắng nghe và ghi chép lại nội dung về yêu cầu đối với bài thực hành.

+ Củng cố lại kiến thức về cảnh quan nhằm đánh giá các nội dung hiện trạng cảnh quan của khu vực nghiên cứu.

+ Phân chia nhóm và lựa chọn khu vực nghiên cứu

+ Thu thập tài liệu, số liệu về hiện trạng cảnh quan của khu vực nghiên cứu.

+ Xử lý và phân tích số liệu, hoàn thiện báo cáo khoa học về đánh giá hiện trạng tổng hợp cảnh quan của khu vực nghiên cứu.

***4. Dụng cụ, trang thiết bị:*** Giấy, bút, máy tính.

***5. Kiểm tra đánh giá***

Chấm điểm theo từng nhóm dựa trên sự vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học về cảnh quan và quy hoạch cảnh quan vào đánh giá, phân tích hiện trạng tổng hợp cảnh quan của khu vực chọn.

**Bài kiểm tra số 2:** Sản phẩm bài thực hành – Báo cáo khoa học về đánh giá hiện trạng tổng hợp cảnh quan của vùng đô thị, nông thôn hoặc công viên.

**12. Thời gian phê duyệt đề cương học phần: Ngày tháng năm 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN PHỤ TRÁCH**  **HỌC PHẦN** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** | **TRƯỞNG KHOA** |
| **Ths. Trần Thị Hiền** | **TS. Khương Mạnh Hà** | **TS. Nguyễn Văn Bài** |

**PHỤ LỤC 1**

# **MÃ HÓA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CỦA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CTĐT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** |  | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Mức độ theo thang Bloom** | **Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT** |
| ***1*** | ***Chuẩn về kiến thức*** | |  |  |
| LO.1.1 | Hiểu được các kiến thức về cảnh quan, quy hoạch cảnh quan, trình tự và nội dung của quy hoạch cảnh quan | 2 | CĐR 5 |
| LO.1.2 | Hiểu được các kiến thức về các cơ sở bố cục của cảnh quan, quy luật tổ chức không gian cảnh quan, nội dung của quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn | 2 | CĐR 5 |
| LO.1.3 | Hiểu được các kiến thức về nguyên tắc, nội dung của quy hoạch cảnh quan các khu trung tâm của đô thị | 2 | CĐR 7 |
| ***2*** | ***Chuẩn về kỹ năng*** | |  |  |
| LO.2.1 | Có khả năng nhận biết và đánh giá hiện trạng cảnh quan và tổ chức thiết kế không gian cảnh quan đô thị và cảnh quan nông thôn | 2 | CĐR 10 |
| LO.2.2 | Tận tụy với công việc, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong việc xây dựng các phương án quy hoạch cảnh quan | 2 | CĐR 14 |
| ***3*** | ***Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp*** | |  |  |
| LO.3.1 | Có khả năng tự ra quyết định và chịu trách nhiệm trong các việc xây dựng phương án quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn. | 3 | CĐR 15 |
| LO.3.2 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về công tác quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn. | 3 | CĐR 16 |

**PHỤ LỤC 2**

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN**

1. **Mục tiêu học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx)** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT (X.x.x)** |
| G1 | Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về quy hoạch cảnh quan, hiểu được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến quy hoạch, giúp cho sinh viên nắm được nguyên lý và phương pháp lập quy hoạch cảnh quan vùng đô thị, nông thôn và các khu trung tâm đô thị. | 5,7 |
| G2 | Người học có khả năng nhận biết và đánh giá hiện trạng cảnh quan và tổ chức thiết kế không gian cảnh quan đô thị và cảnh quan nông thôn. | 10 |
| G3 | + Người học cần có khả năng tự ra quyết định và chịu trách nhiệm trong các việc xây dựng phương án quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn.  + Người học cần có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về công tác quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn. | 14, 15,16 |

1. **Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã CĐR** | **Mô tả CĐR học phần**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | **Liên kết với**  **CĐR của CTĐT** |
| **LO.1** | **Về kiến thức** |  |
| LO.1.1 | Hiểu được các kiến thức về cảnh quan, quy hoạch cảnh quan, trình tự và nội dung của quy hoạch cảnh quan | 5 |
| LO.1.2 | Hiểu được các kiến thức về các cơ sở bố cục của cảnh quan, quy luật tổ chức không gian cảnh quan, nội dung của quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn | 5 |
| LO.1.3 | Hiểu được các kiến thức về nguyên tắc, nội dung của quy hoạch cảnh quan các khu trung tâm của đô thị | 7 |
| **LO.2** | **Về kỹ năng** |  |
| LO.2.1 | Có khả năng nhận biết và đánh giá hiện trạng cảnh quan và tổ chức thiết kế không gian cảnh quan đô thị và cảnh quan nông thôn | 10 |
| LO.2.2 | Tận tụy với công việc, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong việc xây dựng các phương án quy hoạch cảnh quan | 14 |
| **LO.3.** | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** |  |
| *LO.3.1* | Có khả năng tự ra quyết định và chịu trách nhiệm trong các việc xây dựng phương án quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn. | 15 |
| *LO.3.2* | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về công tác quy hoạch cảnh quan đô thị và nông thôn. | 16 |

**PHỤ LỤC 3**

**NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN**

| **Tuần**  **thứ** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy và học** | **Số tiết LT/TH** | **Tài liệu**  **học tập,**  **tham khảo** | **CĐR**  **học**  **phần** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Chương 1: Đại cương về quy hoạch cảnh quan**  1.1. Khái niệm chung về quy hoạch cảnh quan  1.1.1. Khái niệm cảnh quan  1.1.2. Khái niệm quy hoạch cảnh quan | Giảng viên:   * Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, TL học tập, TL tham khảo, qui định thi, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập; xây dựng các nhóm học tập. * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ thảo luận: Phân biệt sự giống nhau và khác nhau giữa cảnh quan đô thị và cảnh qaun nông thôn   Sinh viên:  Nghiên cứu TL học tập và tham khảo | 2/0 | 1, 2 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
| 2 | **Chương 1: Đại cương về quy hoạch cảnh quan (Tiếp)**  1.2. Quy hoạch cảnh quan trên thế giới và Việt Nam  1.2.1. Quy hoạch cảnh quan trên thế giới  1.2.2. Quy hoạch cảnh quan ở Việt Nam | Giảng viên:   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ thảo luận: Phân tích các đặc điểm của quy hoạch cảnh quan trên thế giới qua các thời kỳ.   Sinh viên:   * Nghiên cứu TL học tập và tham khảo | 2/0 | 1, 2 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
| 3 | **Chương 1: Đại cương về quy hoạch cảnh quan (Tiếp)**  1.3. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và trình tự, nội dung của quy hoạch cảnh quan | Giảng viên:   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của đối tượng, phương pháp và trình tự, nội dung của quy hoạch cảnh quan * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV   Sinh viên:  Nghiên cứu TL học tập và tham khảo | 2/0 | 1, 2 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
| 4 | **Chương 2: Quy hoạch cảnh quan**  2.1. Các nguyên tắc bố cục cảnh quan  2.1.1. Cơ sở của bố cục cảnh quan  2.1.2. Các quy luật bố cục chủ yếu trong quy hoạch cảnh quan | Giảng viên:   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ bài tập: Anh (chị) hãy làm rõ các quy luật bố cục trong tổ chức không gian cảnh quan tại khu đô thị nơi anh (chị) sinh sống hoặc biết đến.   Sinh viên:   * Nghiên cứu TL học tập và tham khảo   Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn, làm bài tập | 2/0 | 1, 2 | LO.1.1  LO.1.2  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
| 5 | **Chương 2: Quy hoạch cảnh quan**  2.2. Nguyên tắc thiết kế, các yếu tố ảnh hưởng và các yếu tố tạo cảnh trong quy hoạch cảnh quan  2.2.1. Nguyên tắc thiết kế quy hoạch cảnh quan  2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quy hoạch cảnh quan | Giảng viên:   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ bài tập: Anh (chị) hãy làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quy hoạch cảnh quan của khu đô thị hoặc vùng nông thôn nơi anh (chị) sinh sống hoặc biết đến.   Sinh viên:   * Nghiên cứu TL học tập và tham khảo   Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn, làm bài tập | 2/0 | 1, 2 | LO.1.1  LO.1.2  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
| 6 | **Chương 2: Quy hoạch cảnh quan**  2.2.3. Các yếu tố tạo cảnh trong quy hoạch cảnh quan | Giảng viên:   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ bài tập:   Anh (chị) hãy làm rõ các yếu tố tạo cảnh trong quy hoạch cảnh quan của công viên nơi anh (chị) sinh sống hoặc biết đến.  Sinh viên:   * Nghiên cứu TL học tập và tham khảo   Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn, làm bài tập | 2/0 | 1, 2 | LO.1.1  LO.1.2  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
| 7 | **Chương 2: Quy hoạch cảnh quan**  2.3. Quy hoạch cảnh quan  2.3.1. Nguyên tắc phân vùng cảnh quan  2.3.2. Phân loại cảnh quan vùng  2.3.3. Quy hoạch cảnh quan vùng nông thôn  2.3.4. Quy hoạch cảnh quan đô thị | Giảng viên:   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV   Sinh viên:   * Nghiên cứu TL học tập và tham khảo   Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn. | 2/0 | 1, 2 | LO.1.1  LO.1.2  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
| **Bài kiểm tra giữa kì:** |  | 1 |
| 8 | **Chương 3: Quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm**  3.1. Quy hoạch khu đất cây xanh đô thị  3.1.1. Chức năng của cây xanh đô thị  3.1.2. Những cơ sở khoa học và thực tiễn để quy hoạch khu đất cây xanh đô thị  3.1.3. Một số đặc điểm của quy hoạch đất cây xanh đô thị  3.1.4. Nguyên tắc quy hoạch đất cây xanh đô thị | Giảng viên:   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ thảo luận: Anh (chị) hãy làm rõ chức năng của cây xanh đô thị và tầm quan trọng của quy hoạch cây xanh trong tạo cảnh quan đô thị.   Sinh viên:   * Nghiên cứu TL học tập và tham khảo * Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn, làm bài tập | 3/0 | 1,2 | LO.1.1  LO.1.2  LO.1.3  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
| 9 | **Chương 3: Quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm**  3.2. Thiết kế cảnh quan vườn – công viên  3.2.1. Thiết kế cảnh quan công viên  3.2.2. Thiết kế cảnh quan sân, vườn | Giảng viên:   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ thảo luận: Anh (chị) hãy làm rõ các lợi ích của công viên đối với các hoạt động của đô thị.   Sinh viên:   * Nghiên cứu TL học tập và tham khảo * Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn, làm bài tập | 2/0 | 1,2 | LO.1.1  LO.1.2  LO.1.3  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
| 10 | **Chương 3: Quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm**  3.3. Thiết kế cảnh quan không gian quảng trường  3.4. Quy hoạch cảnh quan cây xanh đường phố | Giảng viên:   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ thảo luận: Anh (chị) hãy làm rõ các nguyên tắc khi quy hoạch cây xanh đường phố trong đô thị.   Sinh viên:   * Nghiên cứu TL học tập và tham khảo * Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn, làm bài tập | 2/0 | 1,2 | LO.1.1  LO.1.2  LO.1.3  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
| **Bài kiểm tra số 01:** |  | 1 |  |  |
| 11 | **Bài thực hành: Đánh giá hiện trạng tổng hợp cảnh quan vùng đô thị, nông thôn hoặc công viên**  **1.Mục tiêu:**  Vận dụng kiến thức lý thuyết về cảnh quan và quy hoạch cảnh quan vào đánh giá hiện trạng tổng hợp một cảnh quan vùng đô thị, nông thôn hay một công viên làm cơ sở nền tảng cho công tác xây dựng phương án quy hoạch cảnh quan.  **2. Nội dung:**  Sinh viên tìm hiểu về không gian cảnh quan một đô thị, vùng nông thôn hoặc một công viên sau đó, hoàn thiện báo cáo thuyết minh về đánh giá hiện trạng tổng hợp không gian cảnh quan của khu vực nghiên cứu với các nội dung cụ thể như sau:  + Mục đích và yêu cầu của công tác đánh giá hiện trạng tổng hợp không gian cảnh quan khu vực nghiên cứu  + Phương pháp thực hiện  + Trình tự và nội dung đánh giá hiện trạng tổng hợp cảnh quan vùng đô thị, nông thôn hoặc công viên  **3. Phương pháp thực hiện**  - Giảng viên: Thuyết trình về yêu cầu đối với bài thực hành và nội dung bài thực hành: đánh giá hiện trạng tổng hợp cảnh quan của một đô thị, nông thôn hoặc công viên.  - Sinh viên:  + Lắng nghe và ghi chép lại nội dung về yêu cầu đối với bài thực hành.  + Củng cố lại kiến thức về cảnh quan nhằm đánh giá các nội dung hiện trạng cảnh quan của khu vực nghiên cứu.  + Phân chia nhóm và lựa chọn khu vực nghiên cứu  + Thu thập tài liệu, số liệu về hiện trạng cảnh quan của khu vực nghiên cứu.  + Xử lý và phân tích số liệu, hoàn thiện báo cáo khoa học về đánh giá hiện trạng tổng hợp cảnh quan của khu vực nghiên cứu.  **4. Dụng cụ, trang thiết bị:** Giấy, bút, máy tính.  **5. Kiểm tra đánh giá**  Chấm điểm theo từng nhóm dựa trên sự vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học về cảnh quan và quy hoạch cảnh quan vào đánh giá, phân tích hiện trạng tổng hợp cảnh quan của khu vực chọn. | Giảng viên:  - Thuyết giảng và hướng dẫn nội dung của bài thực hành  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ thực hành. Đánh giá kết quả.  Sinh viên:  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị nội dung và thực hiện các nhiệm vụ được giao.  - Làm và nộp kết quả bài thực hành. | 15 | 1,2 | LO.1.1  LO.1.2  LO.1.3  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |

**PHỤ LỤC 4**

**PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần**  **(Tỷ lệ %)** | **Quy định** | **Chuẩn đầu ra học phần** | | | | | | |
| LO.1.1 | LO.1.2 | LO.1.3 | LO.2.1 | LO2.2 | LO.3.1 | LO.3.2 |
| 1 | Điểm quá trình (50%) | 1. Kiểm tra định kỳ lần 1  + Hình thức: *Tự luận*  + Thời điểm: *Tuần 10*  *+* Hệ số: 1 | x | x | x | x | x | x | x |
| 2. Bài thi giữa học phần  + Hình thức: *Tự luận*  Thời điểm: *Tuần 7*  + Hệ số: *1* | x | x |  | x | x | x | x |
| 3. Bài kiểm tra số 2: Báo cáo khoa học  + Hình thức: *Nộp kết quả thực hành theo yêu cầu*  Thời điểm: *Tuần 11*  + Hệ số: *1* | x | x | x | x | x | x | x |
| 4. Kiểm tra chuyên cần  + Hình thức: *Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp*  + Hệ số: 1 | x | x | x | x | x | x | x |
| 2 | Điểm thi kết thúc học phần (50%) | + Hình thức: *Tự luận*  + Thời điểm: *Theo lịch thi học kỳ*  + Tính chất: *Bắt buộc* | x | x | x | x | x | x | x |